

Số: 221 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung bảng giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ các
loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 117/TTr-STC ngày 13/01/2014;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ sung vào bảng giá tính lệ phí trước bạ xe ô tô, xe gắn máy tại Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của Ủy ban nhân tỉnh Bình Phước (có phụ lục kèm theo).

Điều 2: Mức giá xác định tại Quyết định này là cơ sở để các cơ quan chức năng tính thu lệ phí trước bạ các loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định hiện hành. Riêng tài sản mua trực tiếp của cơ sở được phép sản xuất, lắp ráp trong nước bán ra, giá tính lệ phí trước bạ là giá thực tế thanh toán ghi trên hóa đơn bán hàng hợp pháp.

Điều 3: Quyết định này thay thế Quyết định số 120/QĐ-STC ngày 16/10/2013 của Sở Tài chính về ban hành bổ sung bảng giá tối thiểu để tính lệ phí trước bạ các loại xe ô tô, xe gắn máy trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 4: Các ông (bà) Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước; Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, (Tổng cục Thuế);
- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH;
- Lưu VT(M.Anh20-01). *yc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Văn Công

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ XE (BỔ SUNG) TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ
 (Kèm theo Quyết định số 221 /QĐ-UBND ngày 21/01/2014
 của UBND tỉnh Bình Phước)



STT	Loại/Hiệu xe	Mức giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai Accent A/T; nhập khẩu từ Hàn quốc; sản xuất năm 2013; số chỗ ngồi: 5 chỗ; Kích thước tổng thể (DxRxC)-(mm): 4.370 x 1.700 x 1.457; Chiều dài cơ sở (mm): 2.570; Hộp số: Số tự động 4 cấp; dung tích xilanh 1396 cm ³ ; Động cơ xăng: 1.4 DOHC.	590.000.000	
2	Xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai Accent M/T; nhập khẩu từ Hàn quốc; sản xuất năm 2013; số chỗ ngồi: 5 chỗ; Kích thước tổng thể (DxRxC)-(mm): 4.370 x 1.700 x 1.457; Chiều dài cơ sở (mm): 2.570; Hộp số: Số sàn 5 cấp; dung tích xilanh 1396 cm ³ ; Động cơ xăng: 1.4 DOHC.	540.000.000	
3	Xe ô tô nhãn hiệu: Hilux 2.5 E (MT), nhập khẩu năm 2013; số tay 5 cấp, pick up cabin kép. Động cơ Diesel dung tích 2.494 cm ³ , 4x2, 05 chỗ ngồi. Trọng tải chở hàng 585kg.	637.000.000	
4	Xe ô tô nhãn hiệu: Hilux 3.0 G (MT) nhập khẩu năm 2013; số tay 5 cấp, pick up cabin kép. Động cơ Diesel dung tích 2.982 cm ³ , 4x4, 05 chỗ ngồi. Trọng tải chở hàng 520kg.	735.000.000	
5	Xe ô tô xitec chở dầu kiểu bồn (dung tích: 22m ³), Nhãn hiệu: DONGFENG; Nhập khẩu: Trung Quốc, sản xuất năm 2013; Động cơ: L315, Kiểu động cơ: 4 kỳ, tăng áp, 6 xi lanh thẳng hàng, Loại nhiên liệu: Diesel, Thể tích làm việc: 8.900 m ³ , tổng trọng lượng: 31.000 kg.	1.460.000.000	